

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2021/DS-ST
Ngày: 28/4/2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương

Ông Nguyễn Thành Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Thu - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến Hòa – Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại phòng xử án - Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 518/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp vay đồng tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thanh T

Địa chỉ: 101/4/33 khu phố 1, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc N

Địa chỉ: 17, tổ 5, khu phố 3A, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản ghi nhận không tiến hành hoà giải được, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đơn xin vắng mặt, nguyên đơn bà Trương Thị Thanh T trình bày:

Do làm ăn, quen biết nên bà Trương Thị Thanh T có đưa tiền cho ông Nguyễn Quốc N nhiều lần. Ngày 11/8/2020, ông Nguyễn Quốc N viết “Đơn cam kết” trong đó xác nhận có nợ bà Trương Thị Thanh T số tiền 530.000.000 đồng và cam kết đến ngày 01/10/2020 sẽ trả đủ số tiền nêu trên cho bà Trương Thị Thanh T đồng thời cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu sau ngày 01/10/2020 không thanh toán cho bà Trương Thị Thanh T. Tuy nhiên, cho đến nay ông Nguyễn Quốc N vẫn không trả bất cứ khoản tiền nào cho bà Trương Thị Thanh T. Vì vậy, bà Trương Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quốc N phải trả cho bà số tiền là 530.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 02/10/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bà Trương Thị Thanh T cam kết số tiền bà cho ông Nguyễn Quốc N vay là tiền riêng của bà cho cá nhân ông Nghĩa vay, không liên quan đến ai khác.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc N vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc theo nội dung “Đơn cam kết” đề ngày 11/8/2020 của bị đơn ông Nguyễn Quốc N và yêu cầu ông Nguyễn Quốc N trả tiền lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 12, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và triệu tập bị đơn đến Tòa án làm việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn đều vắng mặt, vì vậy việc hoà giải không thể tiến hành được.

Toà án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Quốc N tham gia tố tụng tại phiên tòa vào ngày 02/4/2021 và ngày 28/4/2021 nhưng ông Nguyễn Quốc N đều vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Qua các chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của đương sự có đủ cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà làm việc, không giao nộp tài liệu, chứng cứ trong thời hạn luật định và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh nên bị đơn đã tự từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án, nên căn cứ vào các Điều 91, 93, 96 của Bộ luật tố tụng dân sự mặc nhiên công nhận lời khai và các chứng cứ mà nguyên đơn đã xuất trình cho Tòa án.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ “Đơn cam kết” (không có công chứng, chứng thực) đề ngày 11/8/2020 của bị đơn ông Nguyễn Quốc N thể hiện ông Nguyễn Quốc N xác nhận có nợ bà Trương Thị Thanh T số tiền 530.000.000 đồng và cam kết đến ngày 01/10/2020 sẽ trả nhưng ông Nghĩa không trả theo đúng cam kết, việc vay mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc và lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 351, 357, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở và có căn cứ pháp lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng và tiền lãi phát sinh là $(530.000.000 \text{ đồng} \times 10\%) \times 208 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 30.202.740$ (Ba mươi triệu hai trăm lẻ hai ngàn bảy trăm bốn mươi) đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Quốc N phải chịu 26.408.110 (Hai mươi sáu triệu bốn trăm lẻ tám ngàn một trăm mười ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Trương Thị Thanh T số tiền tạm ứng 12.614.700 (Mười hai triệu sáu trăm mười bốn ngàn bảy trăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0105283 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 351, 357, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1. Buộc ông Nguyễn Quốc N phải thanh toán cho bà Trương Thị Thanh T tổng số tiền 560.202.740 (Năm trăm sáu mươi triệu hai trăm lẻ hai ngàn bảy trăm bốn mươi) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Quốc N phải chịu 26.408.110 (Hai mươi sáu triệu bốn trăm lẻ tám ngàn một trăm mười) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Trương Thị Thanh T số tiền tạm ứng 12.614.700 (Mười hai triệu sáu trăm mười bốn ngàn bảy trăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0105283 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Mai